Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9032.20.00

Mã HS	9032.20.00
Mô tả hàng hóa	Dụng cụ và thiết bị điều chỉnh hoặc điều khiển tự động / - Bộ điều chỉnh áp lực
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	09/11/2026 03:37:04
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90322000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18253
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18253
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18253
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục C)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	10,9	10,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0/0	0 / 0 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
VIFTA	8/14	8 / 14 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Cần diễn giải
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17581
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17510
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17510
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17510
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17510
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17510
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17510
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E17566
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17566

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17566
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17566
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17566
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17566
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	4	VJ!E17567
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	VJ!F17567
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17567
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17567
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17567
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17567
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17572
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17528
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17524
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17524
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17524
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17524
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17524
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17524
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17570
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17570
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17570
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17570
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17570
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17570
VCFTA	2022	2022	5	VC!D17632
VCFTA	2023	2023	2	VC!E17632

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17632
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17632
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17632
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17632
VN-EAEU	2022	2022		EAV!17608
VN-EAEU	2023	2023		EAV!17608
VN-EAEU	2024	2024		EAV!17608
VN-EAEU	2025	2025		EAV!17608
VN-EAEU	2026	2026		EAV!17608
VN-EAEU	2027	2027		EAV!17608
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D17603
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E17603
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F17603
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G17603
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H17603
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17603
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D17633
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17633
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17633
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17633
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17633
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17633
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D17632
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17632
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17632
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17632

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17632
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17632
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17726
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17726
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17726
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17726
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17726
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17726
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17726
RCEP A	2022	2022	18	RCEPT-A!D17595
RCEP A	2023	2023	16	RCEPT-A!E17595
RCEP A	2024	2024	14	RCEPT-A!F17595
RCEP A	2025	2025	12	RCEPT-A!G17595
RCEP A	2026	2026	10	RCEPT-A!H17595
RCEP A	2027	2027	8	RCEPT-A!I17595
RCEP B	2022	2022	18	B!D17595
RCEP B	2023	2023	16	B!E17595
RCEP B	2024	2024	14	B!F17595
RCEP B	2025	2025	12	B!G17595
RCEP B	2026	2026	10	B!H17595
RCEP B	2027	2027	8	B!I17595
RCEP C	2022	2022	18	C!D17593
RCEP C	2023	2023	16	C!E17593
RCEP C	2024	2024	14	C!F17593
RCEP C	2025	2025	12	C!G17593
RCEP C	2026	2026	10	C!H17593

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	8	C!I17593
RCEP D	2022	2022	18,2	D!D17592
RCEP D	2023	2023	16,4	D!E17592
RCEP D	2024	2024	14,5	D!F17592
RCEP D	2025	2025	12,7	D!G17592
RCEP D	2026	2026	10,9	D!H17592
RCEP D	2027	2027	9,1	D!I17592
RCEP E	2022	2022	18	E!D17596
RCEP E	2023	2023	16	E!E17596
RCEP E	2024	2024	14	E!F17596
RCEP E	2025	2025	12	E!G17596
RCEP E	2026	2026	10	E!H17596
RCEP E	2027	2027	8	E!I17596
RCEP F	2022	2022	18	F!D17595
RCEP F	2023	2023	16	F!E17595
RCEP F	2024	2024	14	F!F17595
RCEP F	2025	2025	12	F!G17595
RCEP F	2026	2026	10	F!H17595
RCEP F	2027	2027	8	F!I17595
VIFTA	2024	2024		VI!16495
VIFTA	2025	2025		VI!16495
VIFTA	2026	2026		VI!16495
VIFTA	2027	2027		VI!16495

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 9032.20.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 9032.20.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9032.20.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 9032.20.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18253), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.